ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ NGUYÊN GIÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1008 /QĐ-UBND	*Nguyên Giáp, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ NGUYÊN GIÁP

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ khoa học và công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 14/9/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyên Giáp về việc Ban hành và áp dụng hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2026;

Căn cứ Bản xác nhận số 06/BXN-UBND ngày 29/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyên Giáp về việc xác nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng có hiệu lực tại UBND xã Nguyên Giáp;

Theo đề nghị của Trưởng Ban chỉ đạo ISO.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND xã Nguyên Giáp phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/204 của Thủ tướng Chính phủ đối với tất cả các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban chỉ đạo ISO, Phòng Văn hóa - Xã hội; các Phòng chuyên môn; Trung tâm Phục vụ Hành chính công và cán bộ công chức thuộc UBND xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở KH&CN thành phố;
- Lưu: VT, BCĐ ISO.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ NGUYÊN GIÁP T.P HẢI PHÒNG

Lê Xuân Trường

DANH MỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND XÃ NGUYÊN GIÁP ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày .../.../2026 của Chủ tịch UBND xã Nguyên Giáp)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
PHẦN 1: QUY TRÌNH HỆ THỐNG			
1.	Mô hình Hệ thống quản lý chất lượng	MHHTQL	
2.	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	HD.01	
3.	Hướng dẫn Quản lý rủi ro và cơ hội (phương pháp định tính)	HD.02	
4.	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03	
5.	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD.04	
PHẦN 2: QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
A. TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG			
1	Quy trình tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính	QT.TTHCC.01	
2	Quy trình trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính	QT.TTHCC.02	
B. PHÒNG KINH TẾ			
I	**LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**		
1.	Cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác	QT.ĐB.01	
2.	Chấp thuận thiết kế nút giao đối với đường địa phương đang khai thác	QT.ĐB.02	
3.	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	QT.ĐB.03	
4.	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	QT.ĐB.04	
II	**LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**		
1.	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.01	
2.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện	QT.ĐTNĐ.02	

	thay đổi tên, tính năng kỹ thuật		
3.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.ĐTNĐ.03	
4.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.ĐTNĐ.04	
5.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT.ĐTNĐ.05	
6.	Xóa đăng ký phương tiện	QT.ĐTNĐ.06	
7.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.07	
8.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.08	
9.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.09	
10.	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT.ĐTNĐ.10	
11.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT.ĐTNĐ.11	
12.	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.12	
13.	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT.ĐTNĐ.13	
14.	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.ĐTNĐ.14	
15.	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT.ĐTNĐ.15	
16.	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	QT.ĐTNĐ.16	

17.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.17	
18.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.ĐTNĐ.18	
19.	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.ĐTNĐ.19	
20.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT.ĐTNĐ.20	
21.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.21	
22.	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT.ĐTNĐ.22	
23.	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.23	
24.	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.24	
25.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT.ĐTNĐ.25	
26.	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	QT.HH.01	
III	**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**		
1.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.01	
2.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.02	
3.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.03	
4.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong	QT.HĐXD.04	

	đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
5.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.05	
6.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.06	
7.	Chấp thuận tiếp tục khai thác, sử dụng công trình tạm	QT.HĐXD.07	
8.	Chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm	QT.HĐXD.08	
IV	**NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ**		
1.	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	QT.NOvCS.01	
V	**QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN, KIẾN TRÚC**		
1.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.QHĐT&KT.01	
2.	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.QHĐT&KT.02	
3.	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.QHĐT&KT.03	
4.	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.QHĐT&KT.04	
5.	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.QHĐT&KT.05	
VI	**LĨNH VỰC BẢO HIỂM**		

1.	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	QT.BHNN.01	
VII	**QUẢN LÝ THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU KHÁC CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**		
1.	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	QT.TPvLP.01	
VIII	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN**		
1.	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	QT.QLCS.01	
IX	**LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI**		
1.	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	QT.TCĐ.01	
2.	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	QT.TCĐ.02	
X	**TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ**		
1.	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	QT.KCHTC.01	
2.	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	QT.KCHTC.02	
XI	**LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC**		
1.	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	QT.HTX.01	
2.	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	QT.HTX.02	
3.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.03	
4.	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.04	
5.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.05	
6.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	QT.HTX.06	
7.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.07	
8.	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.08	

9.	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	QT.HTX.09	
10.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	QT.HTX.10	
11.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	QT.HTX.11	
12.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	QT.HTX.12	
13.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	QT.HTX.13	
14.	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	QT.HTX.14	
15.	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	QT.HTX.15	
16.	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	QT.HTX.16	
17.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.17	
18.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT.HTX.18	
19.	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	QT.HTX.19	
20.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	QT.HTX.20	
21.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	QT.HTX.21	

22.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.22	
23.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.23	
24.	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.24	
25.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	QT.HTX.25	
26.	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.26	
27.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.27	
28.	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.28	
XII	**THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**		
1.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT.TLDN.01	
2.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT.TLDN.02	
3.	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	QT.TLDN.03	
4.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT.TLDN.04	
5.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT.TLDN.05	
6.	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	QT.TLDN.06	
7.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	QT.TLDN.07	
8.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	QT.TLDN.08	
XVIII	**BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**		
1.	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	QT.BVQLNTD.01	

XIV	**CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG**		
1.	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	QT.CNĐP.01	
XV	**KINH DOANH KHÍ**		
1.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KDK.01	
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KDK.02	
3.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KDK.03	
XVI	**LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC**		
1.	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT.LTHHTN.01	
2.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHHTN.02	
3.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT.LTHHTN.03	
4.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHHTN.04	
5.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHHTN.05	
6.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT.LTHHTN.06	
7.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHHTN.07	
8.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHHTN.08	
9.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHHTN.09	
XVII	**CHĂN NUÔI**		
1.	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	QT.CN.01	
2.	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo	QT.CN.02	

	quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		
XVIII	**LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**		
1.	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	QT.KTHTPTNN.01	
XIX	**BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**		
1.	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.BHĐ.01	
2.	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.BHĐ.02	
3.	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.BHĐ.03	
4.	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.BHĐ.04	
5.	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.BHĐ.05	
XX	**LĨNH VỰC KIỂM LÂM**		
1.	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	QT.KL.01	
2.	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	QT.KL.02	
XXI	**LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI; ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN**		
1.	Hòa giải tranh chấp đất đai	QT.ĐĐ.01	
2.	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	QT.ĐĐ.02	
3.	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng	QT.ĐĐ.03	

	đất		
4.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	QT.ĐĐ.04	
5.	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	QT.ĐĐ.05	
6.	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	QT.ĐĐ.06	
7.	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	QT.ĐĐ.07	
8.	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	QT.ĐĐ.08	
9.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	QT.ĐĐ.09	
10.	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	QT.ĐĐ.10	
11.	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	QT.ĐĐ.11	
12.	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	QT.ĐĐ.12	
13.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.ĐĐ.13	
14.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	QT.ĐĐ.14	
15.	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	QT.ĐĐ.15	

16.	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	QT.ĐĐ.16	
17.	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp xã)	QT.ĐCKS.01	
18.	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp xã)	QT.ĐCKS.01	
XXII	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI; SỰ CỐ TRÀN DẦU; THÚ Y; AN TOÀN ĐẬP VÀ HỒ CHỨA;**		
1.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT.QLDDvPCTT.01	
2.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT.QLDDvPCTT.02	
3.	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	QT.THU Y.01	
4.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở, cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển.	QT.UPSCTD.01	
5.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.ATHC.01	
XXIII	**LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG; BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**		
1.	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã)	QT.MT.01	
XXIV	**TÀI NGUYÊN NƯỚC**		
1.	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	QT.TNN.01	
XXV	**LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**		
1.	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	QT.LN.01	
2.	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.LN.02	
3.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền	QT.LN.03	

	vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái		
4.	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	QT.LN.04	
5.	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	QT.LN.05	
6.	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT.LN.06	
XXVI	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**		
1.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	QT.NN.01	
XXVII	**TRỒNG TRỌT**		
1.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	QT.TrTr.01	
XXVIII	**THỦY LỢI**		
1.	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	QT.TL.01	
2.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.TL.02	
3.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.TL.03	
4.	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.04	
5.	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	QT.TL.05	
6.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.TL.06	

7.	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	QT.TL.07	
XXIX	**THỦY SẢN**		
1.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.TS.01	
2.	Công bố mở cảng cá loại III	QT.TS.02	
3.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.TS.03	
XXX	**LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO**		
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	QT.GN.01	
2	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	QT.GN.02	
3	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	QT.GN.03	
4	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	QT.GN.04	
5	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	QT.GN.05	
C. PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI			
I	**LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI**		
1.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	QT.BTXH.01	
2.	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	QT.BTXH.02	
3.	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT.BTXH.03	
4.	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	QT.BTXH.04	
5.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT.BTXH.05	
6.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH.06	
7.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT.BTXH.07	

8.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH.08	
9.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT.BTXH.09	
10.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT.BTXH.10	
II	**LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM**		
1.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	QT.DS.01	
III	**PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI**		
1.	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	QT.TNXH.01	
2.	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.TNXH.02	
3.	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.TNXH.03	
4.	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.TNXH.04	
5.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT.TNXH.05	
IV	**LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**		
1.	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.TĐKT.01	
2.	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.TĐKT.02	
V	**LĨNH VỰC TRẺ EM**		
1.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT.TE.01	
2.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT.TE.02	
3.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT.TE.03	

4.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người than thích của trẻ em	QT.TE.04	
5.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT.TE.05	
6.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT.TE.06	
VI	**LĨNH VỰC GIA ĐÌNH**		
1.	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	QT.GĐ.01	
2.	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	QT.GĐ.02	
VII	**PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**		
1.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.ĐT.01	
2.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.ĐT.02	
3.	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.ĐT.03	
4.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.ĐT.04	
VIII	**LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO, VĂN HÓA; DI SẢN VĂN HÓA**		
1.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QT.VH.01	
2.	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	QT.VH.02	
3.	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT.TDTT.01	
4.	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	QT.DSVH.01	
5.	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu	QT.DSVH.01	

	tú		
XIX	**LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG**		
1.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT.NCC.01	
2.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	QT.NCC.02	
3.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT.NCC.03	
4.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	QT.NCC.04	
5.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.05	
6.	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	QT.NCC.06	
7.	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	QT.NCC.07	
8.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QT.NCC.08	
9.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT.NCC.09	
10.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.NCC.10	
11.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.NCC.11	
12.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QT.NCC.12	
13.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT.NCC.13	

14.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	QT.NCC.14	
15.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT.NCC.15	
16.	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QT.NCC.16	
17.	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	QT.NCC.17	
18.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QT.NCC.18	
19.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	QT.NCC.19	
20.	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	QT.NCC.20	
21.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	QT.NCC.21	
22.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.NCC.22	
23.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT.NCC.23	
24.	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	QT.NCC.24	
25.	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	QT.NCC.25	
26.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.26	
27.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.NCC.27	
28.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.NCC.28	

29.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT.NCC.29	
30.	Thủ tục "Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế"	QT.NCC.30	
X	**QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC; LĨNH VỰC HỘI QUỸ**		
1.	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	QT.QLLĐNN.01	
2.	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT.QLNN.HQ.01	
3.	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.QLNN.HQ.02	
4.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.QLNN.HQ.03	
5.	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	QT.QLNN.HQ.04	
6.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	QT.QLNN.HQ.05	
7.	Công nhận ban vận động thành lập hội	QT.QLNN.HQ.06	
8.	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	QT.QLNN.HQ.07	
9.	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	QT.QLNN.HQ.08	
10.	Hội tự giải thể	QT.QLNN.HQ.09	
11.	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	QT.QLNN.HQ.10	
12.	Thành lập hội	QT.QLNN.HQ.11	
13.	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT.QLNN.HQ.12	
14.	Quỹ tự giải thể	QT.QLNN.HQ.13	
15.	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	QT.QLNN.HQ.14	
16.	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	QT.QLNN.HQ.15	
XI	**LĨNH VỰC VIỆC LÀM**		
1.	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc	QT.VL.01	

	làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động.		
2.	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.	QT.VL.02	
XII	**LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**		
1.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã	QT.TNTG.01	
2.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	QT.TNTG.02	
3.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	QT.TNTG.03	
4.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã)	QT.TNTG.04	
5.	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	QT.TNTG.05	
6.	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	QT.TNTG.06	
7.	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	QT.TNTG.07	
8.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cáp xã)	QT.TNTG.08	
9.	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	QT.TNTG.09	
XIII	**LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC**		
1.	Công nhận người có uy tín	QT.DT.01	
2.	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.DT.02	
XIV	**CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC**		
1.	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	QT.CSGD.01	
2.	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	QT.CSGD.02	

3.	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	QT.CSGD.03	
4.	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	QT.CSGD.04	
5.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	QT.CSGD.05	
6.	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	QT.CSGD.06	
XV	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON**		
1.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GDMN.01	
2.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GDMN.02	
3.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GDMN.03	
4.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.GDMN.04	
5.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDMN.05	
XVII	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**		
1.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	QT.GDNN.01	
2.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT.GDNN.02	
XVIII	**GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**		
1.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT.GDTX.01	
2.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT.GDTX.02	
3.	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	QT.GDTX.03	

4.	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	QT.GDTX.04	
XIX	**GIÁO DỤC TIỂU HỌC**		
1.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDTH.01	
2.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT.GDTH.02	
3.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	QT.GDTH.03	
4.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.GDTH.04	
5.	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	QT.GDTH.05	
6.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT.GDTH.06	
XX	**GIÁO DỤC TRUNG HỌC**		
1.	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GDTrH.01	
2.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.GDTrH.02	
3.	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDTrH.03	
4.	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	QT.GDTrH.04	
5.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.GDTrH.05	
6.	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT.GDTrH.06	
7.	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT.GDTrH.07	
8.	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	QT.GDTrH.08	
9.	Tuyển sinh trung học cơ sở	QT.GDTrH.09	
10.	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	QT.GDTrH.10	
11.	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	QT.GDTrH.11	
XXI	**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN; KIỂM ĐỊNH CHẤT**		

	LƯỢNG		
1.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GD&ĐT.01	
2.	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	QT.GD&ĐT.02	
3.	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	QT.GD&ĐT.03	
4.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	QT.GD&ĐT.04	
5.	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	QT.GD&ĐT.05	
6.	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT.GD&ĐT.06	
7.	Xét, cấp học bổng chính sách	QT.GD&ĐT.07	
8.	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	QT.GD&ĐT.08	
9.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GD&ĐT.09	
10.	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	QT.GD&ĐT.10	
11.	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT.GD&ĐT.11	
12.	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	QT.GD&ĐT.12	
13.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	QT.GD&ĐT.13	
14.	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT.GD&ĐT.14	
15.	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT.GD&ĐT.15	
16.	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT.GD&ĐT.16	

17.	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	QT.GD&ĐT.17	
18.	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	QT.GD&ĐT.18	
19.	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	QT.GD&ĐT.19	
XII	**VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ**		
1.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	QT.VBCC.01	
2.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	QT.VBCC.02	
XIII	**LĨNH VỰC CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**		
1.	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	QT.CCVC.01	
2.	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	QT.CCVC.02	
D. VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN & ỦY BAN NHÂN DÂN			
I	**PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT; HÒA GIẢI CƠ SỞ**		
1.	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT.PBPL.01	
2.	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	QT.PBPL.02	
3.	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	QT.PBPL.03	
4.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	QT.PBPL.04	
5.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT.PBPL.05	
II	**BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC**		
1.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	QT.BTNN.01	

III	**LĨNH VỰC CHỨNG THỰC**		
1.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.CT.01	
2.	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	QT.CT.02	
3.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.CT.03	
4.	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT.CT.04	
5.	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.05	
6.	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sửa dụng đất, nhà ở	QT.CT.06	
7.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.CT.07	
8.	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.08	
9.	Thủ tục chứng thực di chúc	QT.CT.09	
10.	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT.CT.10	
11.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.CT.11	
12.	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	QT.CT.12	
IV	**LĨNH VỰC HỘ TỊCH**		
1.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT.01	
2.	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	QT.HT.02	
3.	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	QT.HT.03	
4.	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	QT.HT.04	
5.	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	QT.HT.05	
6.	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT.06	
7.	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.HT.07	

8.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.HT.08	
9.	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.HT.09	
10.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.HT.10	
11.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.HT.11	
12.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.HT.12	
13.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT.HT.13	
14.	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	QT.HT.14	
15.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.HT.15	
16.	Đăng ký giám sát việc giám hộ	QT.HT.16	
17.	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT.17	
18.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.HT.18	
19.	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.HT.19	
20.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT.20	
21.	Thủ tục đăng ký khai tử	QT.HT.21	
22.	Đăng ký lại khai tử	QT.HT.22	
23.	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	QT.HT.23	
24.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	QT.HT.24	
25.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	QT.HT.25	
26.	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.HT.26	
27.	Thủ tục đăng ký kết hôn	QT.HT.27	
28.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.HT.28	

29.	Thủ tục đăng ký khai sinh	QT.HT.29	
30.	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.HT.30	
31.	Thủ tục đăng ký giám hộ	QT.HT.31	
32.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.HT.32	
33.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.HT.33	
34.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.HT.34	
35.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	QT.HT.35	
36.	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai tang phí, tử tuất	QT.HT.36	
37.	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.HT.37	
38.	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.HT.38	
39.	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.HT.39	
40.	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.HT.40	
41.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.HT.41	
V	**LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI**		
1.	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.NCN.01	
2.	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	QT.NCN.02	
3.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN.03	
4.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN.04	
5.	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT.NCN.05	

VI	**GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, XỬ LÝ ĐƠN THƯ; THANH TRA**		
1.	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	QT.KNTC.01	
2.	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	QT.KNTC.02	
3.	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	QT.PCTN.01	
4.	Thủ tục thực hiện việc giải trình	QT.PCTN.02	
5.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT.PCTN.03	
6.	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	QT.PCTN.04	
7.	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	QT.TCD.01	
8.	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	QT.XLĐT.01	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
PHẦN 1: QUY TRÌNH HỆ THỐNG			
1	Chính sách chất lượng	CSCL	
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL	
3	Mô hình Hệ thống quản lý chất lượng	MHHTQL	
4	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	HD.01	
5	Hướng dẫn Quản lý rủi ro và cơ hội (phương pháp định tính)	HD.02	
6	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03	
7	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD.04	
PHẦN 2: QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
A. PHÒNG KINH TẾ			
I	**LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**		
5.	Quy trình Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	QT.ĐB.01	
6.	Quy trình Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	QT.ĐB.02	
7.	Quy trình Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương	QT.ĐB.03	

	án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ		
8.	Quy trình Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	QT.ĐB.04	
II	**LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**		
27.	Quy trình Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.01	
28.	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT.ĐTNĐ.02	
29.	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.ĐTNĐ.03	
30.	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.ĐTNĐ.04	
31.	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT.ĐTNĐ.05	
32.	Quy trình Xóa đăng ký phương tiện	QT.ĐTNĐ.06	
33.	Quy trình Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.07	
34.	Quy trình Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.08	
35.	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.09	
36.	Quy trình Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT.ĐTNĐ.10	
37.	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT.ĐTNĐ.11	
38.	Quy trình Công bố hoạt động bến thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.12	

39.	Quy trình Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT.ĐTNĐ.13	
40.	Quy trình Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.ĐTNĐ.14	
41.	Quy trình Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT.ĐTNĐ.15	
42.	Quy trình Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	QT.ĐTNĐ.16	
43.	Quy trình Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.17	
44.	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.ĐTNĐ.18	
45.	Quy trình Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.ĐTNĐ.19	
46.	Quy trình Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT.ĐTNĐ.20	
47.	Quy trình Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.21	
48.	Quy trình Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT.ĐTNĐ.22	
49.	Quy trình Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.23	
50.	Quy trình Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	QT.ĐTNĐ.24	
51.	Quy trình Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	QT.HH.01	
III	**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**		
9.	Quy trình Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.01	

10.	Quy trình Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.02	
11.	Quy trình Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.03	
12.	Quy trình Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.04	
13.	Quy trình Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.05	
14.	Quy trình Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.06	
IV	**NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ**		
2.	Quy trình Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	QT.NOvCS.01	
V	**QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN, KIẾN TRÚC**		
6.	Quy trình Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.QHĐT&KT.01	
7.	Quy trình Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.QHĐT&KT.02	
8.	Quy trình Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều	QT.QHĐT&KT.03	

	chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập		
9.	Quy trình Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.QHĐT&KT.04	
10.	Quy trình Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.QHĐT&KT.05	
VI	**LĨNH VỰC BẢO HIỂM**		
2.	Quy trình Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	QT.BHNN.01	
VII	**QUẢN LÝ THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU KHÁC CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**		
2.	Quy trình Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	QT.TPvLP.01	
3.	Quy trình khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	QT.TPvLP.02	
VIII	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN**		
2.	Quy trình Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	QT.QLCS.01	
3.	Quy trình Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	QT.QLCS.02	
4.	Quy trình Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	QT.QLCS.03	
5.	Quy trình Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	QT.QLCS.04	
IX	**LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI**		
3.	Quy trình Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	QT.TCĐ.01	
4.	Quy trình Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	QT.TCĐ.02	
X	**TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ**		
3.	Quy trình Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	QT.KCHTC.01	

4.	Quy trình Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	QT.KCHTC.02	
XI	**LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC**		
29.	Quy trình Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	QT.HTX.01	
30.	Quy trình Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	QT.HTX.02	
31.	Quy trình Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.03	
32.	Quy trình Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.04	
33.	Quy trình Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.05	
34.	Quy trình Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	QT.HTX.06	
35.	Quy trình Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.07	
36.	Quy trình Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.08	
37.	Quy trình Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	QT.HTX.09	
38.	Quy trình Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	QT.HTX.10	
39.	Quy trình Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	QT.HTX.11	
40.	Quy trình Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	QT.HTX.12	
41.	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	QT.HTX.13	
42.	Quy trình Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	QT.HTX.14	
43.	Quy trình Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	QT.HTX.15	
44.	Quy trình Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ	QT.HTX.16	

	hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo		
45.	Quy trình Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.17	
46.	Quy trình Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT.HTX.18	
47.	Quy trình Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	QT.HTX.19	
48.	Quy trình Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	QT.HTX.20	
49.	Quy trình Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	QT.HTX.21	
50.	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.22	
51.	Quy trình Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.23	
52.	Quy trình Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.24	
53.	Quy trình Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	QT.HTX.25	
54.	Quy trình Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.26	
55.	Quy trình Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.27	
56.	Quy trình Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.28	

XII	**THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**		
9.	Quy trình Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT.TLDN.01	
10.	Quy trình Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT.TLDN.02	
11.	Quy trình Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	QT.TLDN.03	
12.	Quy trình Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT.TLDN.04	
13.	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT.TLDN.05	
14.	Quy trình Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	QT.TLDN.06	
15.	Quy trình Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	QT.TLDN.07	
XVIII	**BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**		
2.	Quy trình Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	QT.BVQLNTD.01	
XIV	**CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG**		
2.	Quy trình Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	QT.CNĐP.01	
XV	**KINH DOANH KHÍ**		
4.	Quy trình Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KDK.01	
5.	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KDK.02	
6.	Quy trình Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KDK.03	
XVI	**LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC**		
10.	Quy trình Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT.LTHHTN.01	
11.	Quy trình Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHHTN.02	
12.	Quy trình Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT.LTHHTN.03	
13.	Quy trình Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công	QT.LTHHTN.04	

	nhằm mục đích kinh doanh		
14.	Quy trình Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHHTN.05	
15.	Quy trình Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT.LTHHTN.06	
16.	Quy trình Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHHTN.07	
17.	Quy trình Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHHTN.08	
18.	Quy trình Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHHTN.09	
XVII	**CHĂN NUÔI**		
3.	Quy trình Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	QT.CN.01	
4.	Quy trình Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	QT.CN.02	
XVIII	**LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**		
2.	Quy trình Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	QT.KTHTPTNN.01	
XIX	**BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**		
6.	Quy trình Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.BHĐ.01	
7.	Quy trình Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.BHĐ.02	
8.	Quy trình Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.BHĐ.03	
9.	Quy trình Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.BHĐ.04	
10.	Quy trình Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.BHĐ.05	

XX	**LĨNH VỰC KIỂM LÂM**		
3.	Quy trình Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	QT.KL.01	
4.	Quy trình Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	QT.KL.02	
XXI	**LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI; ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN**		
19.	Quy trình Hòa giải tranh chấp đất đai	QT.ĐĐ.01	
20.	Quy trình Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	QT.ĐĐ.02	
21.	Quy trình Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	QT.ĐĐ.03	
22.	Quy trình Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	QT.ĐĐ.04	
23.	Quy trình Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	QT.ĐĐ.05	
24.	Quy trình Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	QT.ĐĐ.06	
25.	Quy trình Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	QT.ĐĐ.07	
26.	Quy trình Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	QT.ĐĐ.08	
27.	Quy trình Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	QT.ĐĐ.09	

28.	Quy trình Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	QT.ĐĐ.10	
29.	Quy trình Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	QT.ĐĐ.11	
30.	Quy trình Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	QT.ĐĐ.12	
31.	Quy trình Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.ĐĐ.13	
32.	Quy trình Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	QT.ĐĐ.14	
33.	Quy trình Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	QT.ĐĐ.15	
34.	Quy trình Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	QT.ĐĐ.16	
35.	Quy trình Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp xã)	QT.ĐCKS.01	
36.	Quy trình Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp xã)	QT.ĐCKS.01	
XXII	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI; SỰ CỐ TRÀN DẦU; THÚ Y; AN TOÀN ĐẬP VÀ HỒ CHỨA;**		
6.	Quy trình Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT.QLDDvPCTT.01	
7.	Quy trình Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT.QLDDvPCTT.02	
8.	Quy trình Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang	QT.THU Y.01	

	nhân dân)		
9.	Quy trình thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở, cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển.	QT.UPSCTD.01	
10.	Quy trình Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.ATHC.01	
XXIII	**LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG; BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**		
2.	Quy trình Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	QT.MT.01	
3.	Quy trình Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã)	QT.MT.02	
XXIV	**TÀI NGUYÊN NƯỚC**		
2.	Quy trình Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	QT.TNN.01	
XXV	**LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**		
7.	Quy trình Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	QT.LN.01	
8.	Quy trình Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.LN.02	
9.	Quy trình Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	QT.LN.03	
10.	Quy trình Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	QT.LN.04	
11.	Quy trình Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	QT.LN.05	
12.	Quy trình Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT.LN.06	
XXVI	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**		

2.	Quy trình Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	QT.NN.01	
XXVII	**TRỒNG TRỌT**		
2.	Quy trình Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	QT.TrTr.01	
XXVIII	**THỦY LỢI**		
8.	Quy trình Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	QT.TL.01	
9.	Quy trình Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.TL.02	
10.	Quy trình Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.TL.03	
11.	Quy trình Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.04	
12.	Quy trình Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	QT.TL.05	
13.	Quy trình Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.TL.06	
14.	Quy trình Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	QT.TL.07	
XXIX	**THỦY SẢN**		
4.	Quy trình Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.TS.01	
5.	Quy trình Công bố mở cảng cá loại III	QT.TS.02	
6.	Quy trình Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.TS.03	

XXX	**LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO**		
1.	Quy trình Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	QT.GN.01	
2.	Quy trình Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	QT.GN.02	
3.	Quy trình Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	QT.GN.03	
4.	Quy trình Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	QT.GN.04	
5.	Quy trình Công nhận người lao động có thu nhập thấp	QT.GN.05	
B. PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI			
I	**LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI**		
11.	Quy trình Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	QT.BTXH.01	
12.	Quy trình Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	QT.BTXH.02	
13.	Quy trình Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT.BTXH.03	
14.	Quy trình Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	QT.BTXH.04	
15.	Quy trình Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT.BTXH.05	
16.	Quy trình Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH.06	
17.	Quy trình Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT.BTXH.07	
18.	Quy trình Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH.08	
19.	Quy trình Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT.BTXH.09	
20.	Quy trình Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT.BTXH.10	
II	**LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM**		
2.	Quy trình Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng	QT.DS.01	

	sinh con đúng chính sách dân số.		
III	**PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI**		
6.	Quy trình Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	QT.TNXH.01	
7.	Quy trình Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.TNXH.02	
8.	Quy trình Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.TNXH.03	
9.	Quy trình Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.TNXH.04	
10.	Quy trình Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT.TNXH.05	
IV	**LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**		
3.	Quy trình Đề nghị xét tặng Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú"	QT.TĐKT.01	
4.	Quy trình Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.TĐKT.02	
5.	Quy trình Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.TĐKT.03	
V	**LĨNH VỰC TRẺ EM**		
7.	Quy trình Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT.TE.01	
8.	Quy trình Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT.TE.02	
9.	Quy trình Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT.TE.03	
10.	Quy trình Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người than thích của trẻ em	QT.TE.04	
11.	Quy trình Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT.TE.05	
12.	Quy trình Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm	QT.TE.06	

	sóc thay thế		
VI	**LĨNH VỰC GIA ĐÌNH**		
3.	Quy trình cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	QT.GĐ.01	
4.	Quy trình hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	QT.GĐ.02	
VII	**PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**		
5.	Quy trình cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.ĐT.01	
6.	Quy trình cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.ĐT.02	
7.	Quy trình gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.ĐT.03	
8.	Quy trình sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.ĐT.04	
VIII	**LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO, VĂN HÓA; DI SẢN VĂN HÓA**		
6.	Quy trình thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QT.VH.01	
7.	Quy trình tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	QT.VH.02	
8.	Quy trình công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT.TDTT.01	
9.	Quy trình hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	QT.DSVH.01	
10.	Quy trình thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	QT.DSVH.01	
XIX	**LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG**		
31.	Quy trình Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT.NCC.01	
32.	Quy trình Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	QT.NCC.02	

33.	Quy trình Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT.NCC.03	
34.	Quy trình Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	QT.NCC.04	
35.	Quy trình Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.05	
36.	Quy trình Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	QT.NCC.06	
37.	Quy trình Thăm viếng mộ liệt sĩ.	QT.NCC.07	
38.	Quy trình Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QT.NCC.08	
39.	Quy trình Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT.NCC.09	
40.	Quy trình Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.NCC.10	
41.	Quy trình Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.NCC.11	
42.	Quy trình Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QT.NCC.12	
43.	Quy trình Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT.NCC.13	
44.	Quy trình Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	QT.NCC.14	
45.	Quy trình Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT.NCC.15	
46.	Quy trình Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QT.NCC.16	

47.	Quy trình Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	QT.NCC.17	
48.	Quy trình Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QT.NCC.18	
49.	Quy trình Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	QT.NCC.19	
50.	Quy trình Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	QT.NCC.20	
51.	Quy trình Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	QT.NCC.21	
52.	Quy trình Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.NCC.22	
53.	Quy trình Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT.NCC.23	
54.	Quy trình Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	QT.NCC.24	
55.	Quy trình Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	QT.NCC.25	
56.	Quy trình Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.26	
57.	Quy trình Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.NCC.27	
58.	Quy trình Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.NCC.28	
59.	Quy trình Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT.NCC.29	
60.	Quy trình “Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống	QT.NCC.30	

	Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế”		
X	**QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC; LĨNH VỰC HỘI QUỸ**		
17.	Quy trình Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	QT.QLLĐNN.01	
18.	Quy trình Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT.QLNN.HQ.01	
19.	Quy trình Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.QLNN.HQ.02	
20.	Quy trình Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.QLNN.HQ.03	
21.	Quy trình Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	QT.QLNN.HQ.04	
22.	Quy trình Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	QT.QLNN.HQ.05	
23.	Quy trình Công nhận ban vận động thành lập hội	QT.QLNN.HQ.06	
24.	Quy trình Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	QT.QLNN.HQ.07	
25.	Quy trình Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	QT.QLNN.HQ.08	
26.	Quy trình Hội tự giải thể	QT.QLNN.HQ.09	
27.	Quy trình Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	QT.QLNN.HQ.10	
28.	Quy trình Thành lập hội	QT.QLNN.HQ.11	
29.	Quy trình Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT.QLNN.HQ.12	
30.	Quy trình Quỹ tự giải thể	QT.QLNN.HQ.13	
31.	Quy trình Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	QT.QLNN.HQ.14	
32.	Quy trình Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	QT.QLNN.HQ.15	
XI	**LĨNH VỰC VIỆC LÀM**		
3.	Quy trình Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người	QT.VL.01	

	lao động.		
4.	Quy trình Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.	QT.VL.02	
XII	**LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**		
10.	Quy trình đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã	QT.TNTG.01	
11.	Quy trình đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	QT.TNTG.02	
12.	Quy trình đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	QT.TNTG.03	
13.	Quy trình đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã)	QT.TNTG.04	
14.	Quy trình đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	QT.TNTG.05	
15.	Quy trình đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	QT.TNTG.06	
16.	Quy trình đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	QT.TNTG.07	
17.	Quy trình đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cáp xã)	QT.TNTG.08	
18.	Quy trình đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	QT.TNTG.09	
XIII	**LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC**		
3.	Quy trình Công nhận người có uy tín	QT.DT.01	
4.	Quy trình Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.DT.02	
XIV	**CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC**		
7.	Quy trình Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	QT.CSGD.01	
8.	Quy trình Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	QT.CSGD.02	
9.	Quy trình Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non	QT.CSGD.03	

	độc lập		
10.	Quy trình Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	QT.CSGD.04	
11.	Quy trình Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	QT.CSGD.05	
12.	Quy trình Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	QT.CSGD.06	
13.	Quy trình Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	QT.CSGD.07	
XV	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON**		
6.	Quy trình Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GDMN.01	
7.	Quy trình Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GDMN.02	
8.	Quy trình Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GDMN.03	
9.	Quy trình Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.GDMN.04	
10.	Quy trình Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDMN.05	
XVII	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**		
3.	Quy trình Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	QT.GDNN.01	
4.	Quy trình Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT.GDNN.02	
XVIII	**GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**		
5.	Quy trình Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT.GDTX.01	

6.	Quy trình Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT.GDTX.02	
7.	Quy trình Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	QT.GDTX.03	
8.	Quy trình Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	QT.GDTX.04	
XIX	**GIÁO DỤC TIỂU HỌC**		
7.	Quy trình Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDTH.01	
8.	Quy trình Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT.GDTH.02	
9.	Quy trình Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	QT.GDTH.03	
10.	Quy trình Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.GDTH.04	
11.	Quy trình Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	QT.GDTH.05	
12.	Quy trình Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT.GDTH.06	
XX	**GIÁO DỤC TRUNG HỌC**		
12.	Quy trình Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GDTrH.01	
13.	Quy trình Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.GDTrH.02	
14.	Quy trình Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDTrH.03	
15.	Quy trình Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	QT.GDTrH.04	
16.	Quy trình Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.GDTrH.05	
17.	Quy trình Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT.GDTrH.06	
18.	Quy trình Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học	QT.GDTrH.07	

	cơ sở		
19.	Quy trình Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	QT.GDTrH.08	
20.	Quy trình Tuyển sinh trung học cơ sở	QT.GDTrH.09	
21.	Quy trình Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	QT.GDTrH.10	
22.	Quy trình Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	QT.GDTrH.11	
XXI	**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN; KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG**		
20.	Quy trình Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GD&ĐT.01	
21.	Quy trình Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	QT.GD&ĐT.02	
22.	Quy trình Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	QT.GD&ĐT.03	
23.	Quy trình Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	QT.GD&ĐT.04	
24.	Quy trình Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	QT.GD&ĐT.05	
25.	Quy trình Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT.GD&ĐT.06	
26.	Quy trình Xét, cấp học bổng chính sách	QT.GD&ĐT.07	
27.	Quy trình Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	QT.GD&ĐT.08	
28.	Quy trình Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GD&ĐT.09	

29.	Quy trình Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	QT.GD&ĐT.10	
30.	Quy trình Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT.GD&ĐT.11	
31.	Quy trình Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	QT.GD&ĐT.12	
32.	Quy trình Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	QT.GD&ĐT.13	
33.	Quy trình Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT.GD&ĐT.14	
34.	Quy trình Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT.GD&ĐT.15	
35.	Quy trình Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT.GD&ĐT.16	
36.	Quy trình Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	QT.GD&ĐT.17	
37.	Quy trình Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	QT.GD&ĐT.18	
38.	Quy trình Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	QT.GD&ĐT.19	
XII	**VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ**		
3.	Quy trình Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	QT.VBCC.01	
4.	Quy trình Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	QT.VBCC.02	
C. VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN & ỦY BAN NHÂN DÂN			
I	**PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT; HÒA GIẢI CƠ SỞ**		
6.	Quy trình thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT.PBPL.01	
7.	Quy trình công nhận hòa giải viên (cấp xã)	QT.PBPL.02	

8.	Quy trình công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	QT.PBPL.03	
9.	Quy trình thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	QT.PBPL.04	
10.	Quy trình thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT.PBPL.05	
II	**BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC**		
2.	Quy trình Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	QT.BTNN.01	
III	**LĨNH VỰC CHỨNG THỰC**		
13.	Quy trình sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.CT.01	
14.	Quy trình cấp bản sao từ sổ gốc	QT.CT.02	
15.	Quy trình cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.CT.03	
16.	Quy trình chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT.CT.04	
17.	Quy trình chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.05	
18.	Quy trình chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sửa dụng đất, nhà ở	QT.CT.06	
19.	Quy trình Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.CT.07	
20.	Quy trình chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.08	
21.	Quy trình chứng thực di chúc	QT.CT.09	
22.	Quy trình chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT.CT.10	
23.	Quy trình Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.CT.11	
24.	Quy trình chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	QT.CT.12	
25.	Quy trình Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan,	QT.CT.13	

	tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận		
IV	**LĨNH VỰC HỘ TỊCH**		
42.	Quy trình đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT.01	
43.	Quy trình đăng ký khai tử lưu động	QT.HT.02	
44.	Quy trình đăng ký kết hôn lưu động	QT.HT.03	
45.	Quy trình đăng ký khai sinh lưu động	QT.HT.04	
46.	Quy trình Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	QT.HT.05	
47.	Quy trình đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT.06	
48.	Quy trình đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.HT.07	
49.	Quy trình đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.HT.08	
50.	Quy trình đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.HT.09	
51.	Quy trình đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.HT.10	
52.	Quy trình thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.HT.11	
53.	Quy trình ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.HT.12	
54.	Quy trình ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT.HT.13	
55.	Quy trình Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	QT.HT.14	
56.	Quy trình đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.HT.15	
57.	Quy trình Đăng ký giám sát việc giám hộ	QT.HT.16	
58.	Quy trình đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT.17	
59.	Quy trình đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.HT.18	

60.	Quy trình đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.HT.19	
61.	Quy trình đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT.20	
62.	Quy trình đăng ký khai tử	QT.HT.21	
63.	Quy trình Đăng ký lại khai tử	QT.HT.22	
64.	Quy trình xác nhận thông tin hộ tịch	QT.HT.23	
65.	Quy trình đăng ký lại kết hôn	QT.HT.24	
66.	Quy trình đăng ký lại khai sinh	QT.HT.25	
67.	Quy trình đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.HT.26	
68.	Quy trình đăng ký kết hôn	QT.HT.27	
69.	Quy trình đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.HT.28	
70.	Quy trình đăng ký khai sinh	QT.HT.29	
71.	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.HT.30	
72.	Quy trình đăng ký giám hộ	QT.HT.31	
73.	Quy trình đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.HT.32	
74.	Quy trình ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.HT.33	
75.	Quy trình cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.HT.34	
76.	Quy trình Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	QT.HT.35	
77.	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai tang phí, tử tuất	QT.HT.36	
78.	Quy trình Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.HT.37	
79.	Quy trình đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.HT.38	
80.	Quy trình đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.HT.39	
81.	Quy trình đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.HT.40	

82.	Quy trình đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.HT.41	
V	**LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI**		
6.	Quy trình Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.NCN.01	
7.	Quy trình Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	QT.NCN.02	
8.	Quy trình Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN.03	
9.	Quy trình Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN.04	
10.	Quy trình Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT.NCN.05	
VI	**GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, XỬ LÝ ĐƠN THƯ; THANH TRA**		
9.	Quy trình giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	QT.KNTC.01	
10.	Quy trình giải quyết tố cáo tại cấp xã	QT.KNTC.02	
11.	Quy trình kê khai tài sản, thu nhập	QT.PCTN.01	
12.	Quy trình thực hiện việc giải trình	QT.PCTN.02	
13.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT.PCTN.03	
14.	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	QT.PCTN.04	
15.	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	QT.TCD.01	
16.	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	QT.XLĐT.01	